

Mã văn bản: 33877
Số văn bản: 33877
Ngày ban hành: 01/07/2025
BỆNH VIỆN BẠCH MAI

TRƯỜNG CAO ĐẲNG Y TẾ BẠCH MAI

ĐIỂM THI TỐT NGHIỆP KỲ THI THÁNG 6 NĂM 2025 VÀ DỰ KIẾN XẾP LOẠI TỐT NGHIỆP
SINH VIÊN ĐIỀU DƯỠNG K10 VÀ KỸ THUẬT Y HỌC K9

STT	Mã Sinh viên	Lớp	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Điểm TBC toàn khóa (101 tín chỉ)	Điểm thi LT/THNN	Điểm thi THNN	Số MH/MĐ thi lại, học lại	Điểm dự kiến xếp loại tốt nghiệp	Dự kiến xếp loại tốt nghiệp	Ghi chú
I. Ngành Điều dưỡng												
1	20Q30180103	Điều dưỡng 10A	Nguyễn Hùng	Anh	04/01/2002	6.3	6.5	6.0	9	6.2	Trung bình	
2	20Q30180223	Điều dưỡng 10A	Nguyễn Thúy	Minh	16/12/2001	7.1	7.0	7.0	1	7.1	Khá	
3	20q30180315	Điều dưỡng 10A	Bạch Tùng	Lâm	30/4/2002	6.2	6.5	6.5	8	6.4	Trung bình	
4	20Q30181131	Điều dưỡng 10A	Trần Thị Thanh	Thúy	20/08/2002	7.0	7.0	6.5	1	6.8	Trung bình	
5	22Q30110105	Điều dưỡng 10A	Phan Bảo	Anh	21.06.2004	6.8	6.5	6.5	8	6.7	Trung bình	
6	22Q30110106	Điều dưỡng 10A	Trần Quỳnh	Anh	21.10.2004	6.8	6.5	7.5	5	7.0	Khá	
7	22Q30110107	Điều dưỡng 10A	Trịnh Thị Thái	Anh	12.05.1997	7.0	6.0	7.5	7	7.0	Khá	
8	22Q30110109	Điều dưỡng 10A	Phạm Ngọc	Anh	02.11.2004	7.1	7.0	8.0	3	7.4	Khá	
9	22Q30110111	Điều dưỡng 10A	Nguyễn Ngọc	Châm	26.11.2001	7.1	8.5	8.0	3	7.6	Khá	
10	22Q30110112	Điều dưỡng 10A	Nguyễn Ngọc	Châm	24.12.2004	7.0	7.0	8.0	4	7.3	Khá	
11	22Q30110113	Điều dưỡng 10A	Trần Minh	Châu	05.10.2004	7.2	8.0	8.5	4	7.8	Khá	
12	22Q30110115	Điều dưỡng 10A	Nguyễn Thị Quỳnh	Chi	22.11.2003	7.2	7.0	7.5	7	7.3	Khá	
13	22Q30110117	Điều dưỡng 10A	Trần Văn	Giáp	02.10.2004	7.0	7.0	8.0	9	7.3	Khá	
14	22Q30110118	Điều dưỡng 10A	Ngô Thu	Hà	23.07.2004	6.8	7.0	7.5	4	7.1	Khá	
15	22Q30110120	Điều dưỡng 10A	Hoàng Thị Thu	Hằng	17.05.2004	7.2	7.5	8.5	2	7.7	Khá	
16	22Q30110122	Điều dưỡng 10A	Dương Thị Thu	Hiền	01.05.2004	7.2	7.5	8.0	7	7.5	Khá	
17	22Q30110123	Điều dưỡng 10A	Nguyễn Thị	Hiền	04.06.2004	6.9	6.5	7.0	4	6.9	Trung bình	
18	22Q30110124	Điều dưỡng 10A	Bùi Văn	Hình	10.07.2001	7.2	7.0	8.0	3	7.4	Khá	
19	22Q30110126	Điều dưỡng 10A	Nguyễn Thị	Hương	07.02.2004	7.0	7.5	7.0	2	7.1	Khá	
20	22Q30110127	Điều dưỡng 10A	Nguyễn Thu	Hương	25.10.2004	6.8	7.0	7.0	6	6.9	Trung bình	
21	22Q30110130	Điều dưỡng 10A	Bùi Thanh Kiều	Linh	19.10.2003	7.3	7.0	8.5	3	7.7	Khá	
22	22Q30110131	Điều dưỡng 10A	Đào Mỹ	Linh	14.05.2004	7.3	7.0	7.0	2	7.2	Khá	
23	22Q30110132	Điều dưỡng 10A	Lương Phương	Linh	24.09.2004	7.0	6.5	7.5	4	7.1	Khá	
24	22Q30110133	Điều dưỡng 10A	Nguyễn Hà	Linh	09.10.2004	7.2	7.0	6.0	3	6.8	Trung bình	
25	22Q30110135	Điều dưỡng 10A	Trần Gia	Linh	01.08.2003	7.5	8.5	8.0	0	7.8	Khá	
26	22Q30110138	Điều dưỡng 10A	Chữ Thanh	Nga	08.05.2004	7.2	7.0	7.0	3	7.1	Khá	
27	22Q30110141	Điều dưỡng 10A	Nguyễn Hà	Nhi	22.08.2004	7.0	8.0	7.0	6	7.2	Khá	
28	22Q30110143	Điều dưỡng 10A	Nguyễn Thị	Phương	23.01.2003	7.2	7.5	7.5	3	7.4	Khá	
29	22Q30110144	Điều dưỡng 10A	Nguyễn Như	Quỳnh	11.09.2004	7.1	7.5	8.0	3	7.5	Khá	
30	22Q30110145	Điều dưỡng 10A	Dương Quế	San	09.06.2004	7.3	8.5	7.5	2	7.6	Khá	
31	22Q30110146	Điều dưỡng 10A	Hoàng Thanh	Tâm	24.09.2004	6.9	5.5	6.0	4	6.4	Trung bình	
32	22Q30110148	Điều dưỡng 10A	Nguyễn Thu	Thảo	25.05.2004	7.2	8.0	8.5	7	7.8	Khá	
33	22Q30110149	Điều dưỡng 10A	Đào Anh	Thơ	27.11.2004	6.4	5.5	6.5	7	6.3	Trung bình	
34	22Q30110150	Điều dưỡng 10A	Ngô Chi	Thư	14.01.2004	7.1	6.5	7.5	3	7.1	Khá	
35	22Q30110151	Điều dưỡng 10A	Lê Thanh	Thùy	10.10.2004	7.0	7.0	7.5	7	7.2	Khá	
36	22Q30110153	Điều dưỡng 10A	Bùi Thu	Trang	12.12.2004	7.4	9.0	9.0	1	8.2	Giỏi	
37	22Q30110154	Điều dưỡng 10A	Hồ Huyền	Trang	23.11.2004	6.9	7.5	8.0	2	7.4	Khá	
38	22Q30110155	Điều dưỡng 10A	Hoàng Thanh	Trang	01.02.2004	6.7	6.5	8.0	7	7.1	Khá	
39	22Q30110156	Điều dưỡng 10A	Lâm Thu	Trang	02.01.2004	7.1	7.5	8.0	1	7.5	Khá	
40	22Q30110158	Điều dưỡng 10A	Nguyễn Thị	Trang	14.05.2003	7.1	7.0	8.5	5	7.6	Khá	
41	22Q30110160	Điều dưỡng 10A	Ngô Thị Thanh	Trúc	26.02.2004	7.0	7.5	7.5	3	7.3	Khá	
42	22Q30110161	Điều dưỡng 10A	Trương Cẩm	Tú	19.03.2004	6.9	7.0	7.0	6	7.0	Khá	
43	22Q30110163	Điều dưỡng 10A	Nguyễn Anh	Tuyết	14.07.2004	6.8	7.5	7.5	8	7.2	Khá	
44	22Q30110164	Điều dưỡng 10A	Nguyễn Thanh Tường	Vi	06.12.2004	7.2	7.5	7.0	3	7.2	Khá	
45	22Q30110165	Điều dưỡng 10A	Hoàng Quốc	Việt	14.03.2004	6.8	7.5	7.5	2	7.2	Khá	
46	22Q30110166	Điều dưỡng 10A	Lê Khánh	Vy	06.08.2004	6.9	7.0	7.0	5	7.0	Khá	
47	20Q30180724	Điều dưỡng 10B	Phạm Thị Hồng	Nhung	18/03/2002	7.0	8.0	6.0	4	6.8	Trung bình	
48	21Q30190926	Điều dưỡng 10B	Trần Thu	Thảo	29/1/2003	6.7	7.0	6.0	5	6.5	Trung bình	
49	22Q30110201	Điều dưỡng 10B	Nguyễn Thị Thúy	Ấn	01.11.2004	7.3	8.0	8.0	4	7.7	Khá	
50	22Q30110202	Điều dưỡng 10B	Bùi Hoàng Đức	Anh	23.06.2004	6.6	5.5	6.0	9	6.2	Trung bình	
51	22Q30110204	Điều dưỡng 10B	Đỗ Thúy Phương	Anh	05.11.2004	7.1	8.0	6.5	3	7.1	Khá	
52	22Q30110206	Điều dưỡng 10B	Phạm Quỳnh	Anh	19.10.2004	7.0	6.5	7.0	2	6.9	Trung bình	
53	22Q30110208	Điều dưỡng 10B	Trần Quốc Nam	Anh	28.12.2004	6.8	7.0	6.5	3	6.7	Trung bình	
54	22Q30110209	Điều dưỡng 10B	Nguyễn Hồng	Anh	07.02.2004	7.0	5.5	7.5	10	6.9	Trung bình	
55	22Q30110211	Điều dưỡng 10B	Bùi Ngọc Minh	Châu	15.11.2004	7.2	7.0	8.5	4	7.6	Khá	
56	22Q30110212	Điều dưỡng 10B	Nguyễn Minh	Châu	25.08.2004	7.3	7.0	8.5	1	7.7	Khá	
57	22Q30110213	Điều dưỡng 10B	Nguyễn Thị Kim	Chi	07.09.2004	7.0	7.5	7.5	6	7.3	Khá	
58	22Q30110214	Điều dưỡng 10B	Nguyễn Huyền	Diệu	07.11.2004	6.7	6.5	6.0	12	6.4	Trung bình	
59	22Q30110216	Điều dưỡng 10B	Nguyễn Thủy	Dương	19.09.2004	7.3	7.5	7.5	4	7.4	Khá	
60	22Q30110218	Điều dưỡng 10B	Đinh Thị	Hà	29.10.2004	7.1	6.5	8.0	6	7.3	Khá	
61	22Q30110219	Điều dưỡng 10B	Nguyễn Hải	Hà	21.05.2004	7.2	6.0	7.0	11	6.9	Trung bình	
62	22Q30110221	Điều dưỡng 10B	Dàm Thị	Hảo	01.01.2004	6.8	6.5	6.0	9	6.5	Trung bình	
63	22Q30110222	Điều dưỡng 10B	Hà Thị	Hương	15.08.2004	7.3	8.0	7.5	3	7.5	Khá	
64	22Q30110223	Điều dưỡng 10B	Phạm Quốc	Huy	15.05.2004	7.0	6.5	6.5	4	6.8	Trung bình	
65	22Q30110224	Điều dưỡng 10B	Lại Thị	Huyền	24.06.2004	7.3	7.5	7.5	4	7.4	Khá	
66	22Q30110227	Điều dưỡng 10B	Bùi Trang	Linh	06.07.2004	7.1	7.5	7.5	5	7.3	Khá	
67	22Q30110228	Điều dưỡng 10B	Đỗ Huyền	Linh	02.11.2004	6.7	5.5	5.0	9	5.9	Trung bình	

Mã văn bản: 33877
Số văn bản: 33877
Ngày ban hành: 01/07/2025

STT	Mã Sinh viên	Lớp	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Điểm TBC toàn khóa (101 tín chỉ)	Điểm thi LTTHNN	Điểm thi THNN	Số MH/MĐ thi lại, học lại	Điểm dự kiến xếp loại tốt nghiệp	Dự kiến xếp loại tốt nghiệp	Chú chú
68	22Q30110229	Điều dưỡng 10B	Nguyễn Khánh	Linh	30.05.2004	7.2	7.0	6.0	2	6.8	Trung bình	
69	22Q30110230	Điều dưỡng 10B	Nguyễn Thủy	Linh	02.11.2004	7.4	8.0	7.5	3	7.5	Khá	
70	22Q30110231	Điều dưỡng 10B	Nguyễn Vũ Khánh	Linh	08.12.2004	7.0	7.0	5.0	6	6.3	Trung bình	
71	22Q30110234	Điều dưỡng 10B	Vũ Thị	Linh	25.05.2004	7.0	7.0	6.5	3	6.8	Trung bình	
72	22Q30110236	Điều dưỡng 10B	Đỗ Thị Huyền	Ly	21.07.2003	7.0	7.5	5.5	4	6.6	Trung bình	
73	22Q30110237	Điều dưỡng 10B	Lưu Khánh	Ly	18.05.2004	6.9	7.0	6.5	12	6.8	Trung bình	
74	22Q30110238	Điều dưỡng 10B	Nguyễn Trà	My	18.09.2004	6.9	7.0	6.0	8	6.6	Trung bình	
75	22Q30110239	Điều dưỡng 10B	Đào Thanh	Ngân	17.02.2004	6.8	5.5	5.0	6	6.0	Trung bình	
76	22Q30110242	Điều dưỡng 10B	Lý Thị Yến	Nhi	16.08.2004	7.0	7.0	7.0	9	7.0	Khá	
77	22Q30110243	Điều dưỡng 10B	Nguyễn Hoài	Phương	04.10.2004	6.9	7.5	6.5	3	6.9	Trung bình	
78	22Q30110244	Điều dưỡng 10B	Nguyễn Thu	Phương	04.06.2004	7.1	8.0	7.5	5	7.4	Khá	
79	22Q30110246	Điều dưỡng 10B	Nguyễn Thủy	Quỳnh	14.02.2004	7.0	6.5	7.0	5	6.9	Trung bình	
80	22Q30110247	Điều dưỡng 10B	Nguyễn Công	Son	11.10.2004	6.6	6.0	7.5	7	6.8	Trung bình	
81	22Q30110249	Điều dưỡng 10B	Lê Tiến	Thành	24.11.2004	7.0	7.0	7.0	4	7.0	Khá	
82	22Q30110250	Điều dưỡng 10B	Nguyễn Thị Thanh	Thảo	07.10.2004	7.2	7.0	6.0	1	6.8	Trung bình	
83	22Q30110251	Điều dưỡng 10B	Nguyễn Thị Thanh	Thu	05.07.2004	6.9	7.0	9.0	5	7.6	Khá	
84	22Q30110252	Điều dưỡng 10B	Vũ Minh	Thư	02.02.2004	7.4	8.0	8.0	2	7.7	Khá	
85	22Q30110253	Điều dưỡng 10B	Nguyễn Ngọc Thủy	Tiên	06.03.2004	6.6	7.0	7.5	8	7.0	Khá	
86	22Q30110254	Điều dưỡng 10B	Đông Thị Doan	Trang	25.10.2004	7.4	8.0	8.5	2	7.9	Khá	
87	22Q30110255	Điều dưỡng 10B	Mai Thủy	Trang	30.12.2004	6.9	7.0	8.0	2	7.3	Khá	
88	22Q30110257	Điều dưỡng 10B	Nguyễn Thị Thu	Trang	28.01.2004	6.8	8.0	7.5	3	7.2	Khá	
89	22Q30110261	Điều dưỡng 10B	Trương Doan	Trang	15.11.2003	7.0	7.0	7.0	7	7.0	Khá	
90	22Q30110262	Điều dưỡng 10B	Nguyễn Thị Hồng	Vân	18.05.2004	7.2	8.0	7.5	4	7.4	Khá	
91	22Q30110264	Điều dưỡng 10B	Trần Hà	Vy	15.06.2004	6.9	7.5	6.0	4	6.7	Trung bình	
92	22Q30110266	Điều dưỡng 10B	Nguyễn Kim	Yến	12.01.2004	7.0	7.0	5.0	5	6.3	Trung bình	
93	22Q30110540	Điều dưỡng 10B	Hoàng Kim	Ngân	18.12.2004	7.0	6.5	6.0	10	6.6	Trung bình	
94	20Q30181124	Điều dưỡng 10C	Hà Thị	Thắm	10.03.2002	7.1	8.5	7.5	1	7.5	Khá	
95	22Q30110301	Điều dưỡng 10C	Ngô Thị	An	02.06.2004	7.1	8.0	7.5	3	7.4	Khá	
96	22Q30110304	Điều dưỡng 10C	Đào Việt	Anh	17.12.2004	7.0	8.0	8.0	1	7.5	Khá	
97	22Q30110306	Điều dưỡng 10C	Nguyễn Quỳnh	Anh	26.08.2004	7.2	7.5	7.0	4	7.2	Khá	
98	22Q30110307	Điều dưỡng 10C	Nguyễn Trung	Anh	23.11.2004	6.8	6.5	7.0	6	6.8	Trung bình	
99	22Q30110308	Điều dưỡng 10C	Nguyễn Văn	Anh	18.07.2003	7.6	7.5	8.0	2	7.7	Khá	
100	22Q30110309	Điều dưỡng 10C	Phạm Thị Vân	Anh	05.09.2004	7.3	8.0	8.0	4	7.7	Khá	
101	22Q30110310	Điều dưỡng 10C	Trần Thị Minh	Anh	18.02.2004	7.1	7.5	7.5	4	7.3	Khá	
102	22Q30110311	Điều dưỡng 10C	Vương Kiều	Anh	24.12.2004	6.8	6.0	5.5	6	6.2	Trung bình	
103	22Q30110312	Điều dưỡng 10C	Trần Thị	Ánh	31.05.2004	6.8	5.5	6.5	10	6.5	Trung bình	
104	22Q30110313	Điều dưỡng 10C	Trần Thị Minh	Ánh	18.02.2004	7.0	7.5	6.5	3	6.9	Trung bình	
105	22Q30110314	Điều dưỡng 10C	Chu Văn	Bảo	03.11.2004	6.9	6.5	7.5	4	7.0	Khá	
106	22Q30110316	Điều dưỡng 10C	Nguyễn Ánh	Chi	01.07.2004	7.2	7.5	8.0	2	7.5	Khá	
107	22Q30110318	Điều dưỡng 10C	Phạm Thị Thanh	Chúc	14.01.2004	7.0	8.0	8.0	4	7.5	Khá	
108	22Q30110319	Điều dưỡng 10C	Nguyễn Văn	Dịnh	05.05.2004	6.9	6.5	7.5	3	7.0	Khá	
109	22Q30110320	Điều dưỡng 10C	Chu Thị	Dịu	23.07.2004	7.0	6.5	6.5	3	6.8	Trung bình	
110	22Q30110321	Điều dưỡng 10C	Nguyễn Thủy	Dung	16.03.2004	7.4	9.0	8.5	2	8.0	Khá	Hệ 1 bậc do có 02 môn học/mô đun thi lại
111	22Q30110322	Điều dưỡng 10C	Nguyễn Cảnh	Dương	31.05.2004	7.0	7.0	7.0	1	7.0	Khá	
112	22Q30110323	Điều dưỡng 10C	Nguyễn Thu	Hà	05.11.2004	7.2	7.5	7.5	3	7.4	Khá	
113	22Q30110325	Điều dưỡng 10C	Nguyễn Thị	Hiên	23.10.2004	6.9	7.5	7.0	7	7.0	Khá	
114	22Q30110326	Điều dưỡng 10C	Nguyễn Thị Thu	Hiên	01.02.2004	7.5	8.0	7.5	1	7.6	Khá	
115	22Q30110327	Điều dưỡng 10C	Lê Thị Phương	Hoa	18.12.2004	6.9	6.0	6.5	7	6.6	Trung bình	
116	22Q30110328	Điều dưỡng 10C	Nguyễn Minh	Hoàn	05.07.2004	6.9	7.0	6.5	6	6.8	Trung bình	
117	22Q30110330	Điều dưỡng 10C	Nguyễn Thu	Hương	05.10.2004	7.0	6.5	7.0	9	6.9	Trung bình	
118	22Q30110331	Điều dưỡng 10C	Cao Thị Thanh	Hương	02.02.2004	7.0	7.5	7.5	5	7.3	Khá	
119	22Q30110333	Điều dưỡng 10C	Phạm Thị Minh	Huyền	10.03.2004	7.0	7.5	7.0	8	7.1	Khá	
120	22Q30110334	Điều dưỡng 10C	Lê Diệu	Linh	09.07.2004	7.0	7.5	6.0	6	6.8	Trung bình	
121	22Q30110335	Điều dưỡng 10C	Nguyễn Khánh	Linh	23.09.2004	7.1	8.0	7.5	7	7.4	Khá	
122	22Q30110336	Điều dưỡng 10C	Nguyễn Thảo	Linh	21.07.2004	7.2	7.0	7.0	2	7.1	Khá	
123	22Q30110337	Điều dưỡng 10C	Nguyễn Thị	Linh	20.01.2004	6.8	6.0	5.5	4	6.2	Trung bình	
124	22Q30110338	Điều dưỡng 10C	Nguyễn Thị Mai	Linh	02.11.2004	7.3	8.0	8.0	2	7.7	Khá	
125	22Q30110339	Điều dưỡng 10C	Vũ Thị Khánh	Linh	20.02.2004	7.1	8.5	7.5	4	7.5	Khá	
126	22Q30110340	Điều dưỡng 10C	Lê Khánh	Ly	06.05.2004	7.0	7.0	8.0	4	7.3	Khá	
127	22Q30110341	Điều dưỡng 10C	Lô Lê Ngọc	Mai	20.12.2002	7.0	8.0	7.5	7	7.3	Khá	
128	22Q30110344	Điều dưỡng 10C	Dương Khánh	Ngọc	24.12.2004	6.9	6.5	6.5	7	6.7	Trung bình	
129	22Q30110345	Điều dưỡng 10C	Lê Thị Bích	Ngọc	06.05.2004	6.9	7.0	6.0	1	6.6	Trung bình	
130	22Q30110347	Điều dưỡng 10C	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	11.02.2004	6.9	7.0	7.0	8	7.0	Khá	
131	22Q30110349	Điều dưỡng 10C	Lý Hương	Quân	02.07.2004	6.9	6.5	7.0	7	6.9	Trung bình	
132	22Q30110350	Điều dưỡng 10C	Nguyễn Như	Quỳnh	10.12.2004	6.8	7.0	8.0	9	7.2	Khá	
133	22Q30110351	Điều dưỡng 10C	Quýt Thị Phương	Thảo	11.06.2004	7.0	7.0	7.5	1	7.2	Khá	
134	22Q30110352	Điều dưỡng 10C	Nguyễn Đức	Thiệu	29.12.2002	7.5	8.0	8.5	1	7.9	Khá	
135	22Q30110354	Điều dưỡng 10C	Đỗ Thị Hoài	Thúy	03.09.2004	6.8	6.5	7.5	7	7.0	Khá	
136	22Q30110355	Điều dưỡng 10C	Nguyễn Thị	Thúy	22.11.2003	7.3	7.0	7.0	2	7.2	Khá	
137	22Q30110357	Điều dưỡng 10C	Ngô Thị Thủy	Tiên	08.06.2004	6.9	7.5	7.5	3	7.2	Khá	
138	22Q30110358	Điều dưỡng 10C	Hoàng Đức	Toán	04.09.2004	7.5	8.5	9.0	1	8.2	Giỏi	
139	22Q30110359	Điều dưỡng 10C	Dinh Thu	Trang	07.11.2004	6.5	6.0	5.5	13	6.1	Trung bình	

Mã văn bản: 33877
Số văn bản: 33877
Ngày ban hành: 01/07/2025

STT	Mã Sinh viên	Lớp	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Điểm TBC toàn khóa (101 đn chỉ)	Điểm thi LTTHNN	Điểm thi THNN	Số MH/MD thi lại, học lại	Điểm dự kiến xếp loại tốt nghiệp	Dự kiến xếp loại tốt nghiệp	Ghi chú
140	22Q30110360	Điều dưỡng 10C	Kim Thị	Trang	17.04.2004	6.9	7.5	6.5	3	6.9	Trung bình	
141	22Q30110361	Điều dưỡng 10C	Lê Thị	Trang	28.01.2004	6.8	6.5	7.0	5	6.8	Trung bình	
142	22Q30110362	Điều dưỡng 10C	Nguyễn Thị Thùy	Trang	19.05.2004	7.3	6.5	6.0	2	6.7	Trung bình	
143	22Q30110363	Điều dưỡng 10C	Ngô Anh	Trúc	03.10.2004	6.7	6.0	6.5	7	6.5	Trung bình	
144	22Q30110364	Điều dưỡng 10C	Nguyễn Trần	Trung	30.06.2004	6.7	7.5	6.5	6	6.8	Trung bình	
145	21q30191312	Điều dưỡng 10D	Bùi Khánh	Hoàn	10/08/2003	6.6	5.0	7.0	3	6.5	Trung bình	
146	21Q30191607	Điều dưỡng 10D	Phạm Thị Linh	Chi	24/09/2003	6.5	6.5	5.5	2	6.2	Trung bình	
147	22Q30110401	Điều dưỡng 10D	Giáp Thị Lan	Anh	11.06.2004	6.9	7.0	7.0	6	7.0	Khá	
148	22Q30110402	Điều dưỡng 10D	Kim Phương	Anh	25.11.2004	6.8	6.5	7.5	6	7.0	Khá	
149	22Q30110403	Điều dưỡng 10D	Lưu Tuấn	Anh	25.11.2003	6.7	6.0	7.5	6	6.9	Trung bình	
150	22Q30110405	Điều dưỡng 10D	Nguyễn Thị Lan	Anh	17.10.2004	6.8	8.0	7.0	4	7.1	Khá	
151	22Q30110407	Điều dưỡng 10D	Lê Gia	Bảo	12.10.2004	6.9	7.0	8.5	1	7.5	Khá	
152	22Q30110409	Điều dưỡng 10D	Tăng Dầu	Cầu	01.03.2003	7.2	8.0	8.5	4	7.8	Khá	
153	22Q30110412	Điều dưỡng 10D	Nguyễn Thị Hiền	Dịu	11.07.2004	6.8	7.0	7.5	6	7.1	Khá	
154	22Q30110413	Điều dưỡng 10D	Đỗ Ngọc	Dương	21.02.2004	7.3	7.5	8.0	1	7.6	Khá	
155	22Q30110414	Điều dưỡng 10D	Trần Thế	Dương	21.07.2004	6.6	6.5	6.0	9	6.4	Trung bình	
156	22Q30110417	Điều dưỡng 10D	Vũ Thị Thanh	Hiền	19.01.2004	6.9	7.5	7.5	5	7.2	Khá	
157	22Q30110418	Điều dưỡng 10D	Nguyễn Thị	Hường	25.01.2004	6.8	7.0	7.5	7	7.1	Khá	
158	22Q30110419	Điều dưỡng 10D	Bùi Ngọc	Huyền	15.04.2004	7.0	8.5	7.0	3	7.3	Khá	
159	22Q30110420	Điều dưỡng 10D	Nguyễn Ngọc	Huyền	10.03.2004	7.0	7.5	7.0	5	7.1	Khá	
160	22Q30110421	Điều dưỡng 10D	Nguyễn Thị Thu	Huyền	17.04.2004	6.7	6.0	7.0	7	6.7	Trung bình	
161	22Q30110422	Điều dưỡng 10D	Trương Thị Khánh	Huyền	08.08.2004	6.7	7.5	6.5	5	6.8	Trung bình	
162	22Q30110424	Điều dưỡng 10D	Đỗ Thị Hương	Lan	14.08.2004	6.7	7.0	7.0	7	6.9	Trung bình	
163	22Q30110425	Điều dưỡng 10D	Phùng Thủy	Liều	18.02.2004	6.7	6.5	6.5	9	6.6	Trung bình	
164	22Q30110426	Điều dưỡng 10D	Bùi Diệu	Linh	02.01.2004	7.1	8.0	7.5	4	7.4	Khá	
165	22Q30110427	Điều dưỡng 10D	Bùi Phương	Linh	17.07.2004	6.8	6.5	5.0	3	6.2	Trung bình	
166	22Q30110428	Điều dưỡng 10D	Đỗ Khánh	Linh	28.03.2004	7.0	7.0	7.0	4	7.0	Khá	
167	22Q30110429	Điều dưỡng 10D	Hoàng Thủy	Linh	16.09.2004	7.3	8.0	7.0	1	7.3	Khá	
168	22Q30110430	Điều dưỡng 10D	Nguyễn Thị Diệu	Linh	16.03.2004	6.8	7.5	7.0	4	7.0	Khá	
169	22Q30110432	Điều dưỡng 10D	Trần Khánh	Linh	09.12.2004	6.8	6.0	8.0	2	7.1	Khá	
170	22Q30110433	Điều dưỡng 10D	Nguyễn Thị Thanh	Loan	30.10.2004	6.8	7.0	7.5	8	7.1	Khá	
171	22Q30110436	Điều dưỡng 10D	Trần Hoài	My	25.11.2004	6.7	7.0	6.5	8	6.7	Trung bình	
172	22Q30110437	Điều dưỡng 10D	Nguyễn Thị Thu	Nga	05.02.2004	7.3	8.0	8.0	3	7.7	Khá	
173	22Q30110438	Điều dưỡng 10D	Đinh Thị	Ngân	16.07.2004	7.2	8.0	7.0	4	7.3	Khá	
174	22Q30110439	Điều dưỡng 10D	Lê Khánh	Ngân	12.07.2004	6.8	6.5	6.0	3	6.5	Trung bình	
175	22Q30110440	Điều dưỡng 10D	Đỗ Thị Bích	Nguyệt	12.01.2004	6.7	6.0	7.0	6	6.7	Trung bình	
176	22Q30110441	Điều dưỡng 10D	Nguyễn Thị Thu	Nguyệt	22.11.2004	6.7	7.0	7.0	3	6.9	Trung bình	
177	22Q30110442	Điều dưỡng 10D	Mai Yến	Nhi	18.08.2004	6.8	8.0	5.0	13	6.4	Trung bình	
178	22Q30110443	Điều dưỡng 10D	Phạm Thị Yến	Nhi	21.02.2003	7.0	7.0	6.5	4	6.8	Trung bình	
179	22Q30110444	Điều dưỡng 10D	Tô Ngọc	Nhi	07.08.2004	7.1	7.5	7.5	2	7.3	Khá	
180	22Q30110445	Điều dưỡng 10D	Trần Thị	Nhung	28.07.2004	6.7	6.5	6.0	2	6.4	Trung bình	
181	22Q30110446	Điều dưỡng 10D	Đinh Thu	Phượng	14.04.2004	6.7	6.5	6.0	7	6.4	Trung bình	
182	22Q30110447	Điều dưỡng 10D	Đỗ Thị Thu	Phượng	14.03.2004	6.9	7.5	7.0	6	7.0	Khá	
183	22Q30110450	Điều dưỡng 10D	Nguyễn Hữu	Tài	04.11.2004	7.6	7.5	8.5	2	7.9	Khá	
184	22Q30110451	Điều dưỡng 10D	Nguyễn Thị Thanh	Tâm	14.12.2004	7.3	7.5	7.5	1	7.4	Khá	
185	22Q30110452	Điều dưỡng 10D	Đỗ Phương	Thảo	21.05.2004	7.1	7.5	7.5	4	7.3	Khá	
186	22Q30110453	Điều dưỡng 10D	Trần Hoài	Thu	05.08.2004	7.3	7.5	8.5	2	7.7	Khá	
187	22Q30110454	Điều dưỡng 10D	Ma Thị	Thủy	22.11.2004	7.1	8.0	8.0	1	7.6	Khá	
188	22Q30110455	Điều dưỡng 10D	Dương Thị Ngọc	Trâm	18.09.2004	7.0	7.5	7.5	2	7.3	Khá	
189	22Q30110458	Điều dưỡng 10D	Nguyễn Thị Huyền	Trang	10.12.2004	7.0	6.0	7.0	4	6.8	Trung bình	
190	22Q30110459	Điều dưỡng 10D	Nguyễn Thị Thu	Trang	22.02.2004	7.0	7.0	6.0	4	6.7	Trung bình	
191	22Q30110460	Điều dưỡng 10D	Phạm Đài	Trang	16.02.2004	6.9	7.0	6.5	5	6.8	Trung bình	
192	22Q30110461	Điều dưỡng 10D	Vũ Thủy	Trang	17.09.2004	6.6	7.5	6.0	11	6.6	Trung bình	
193	22Q30110463	Điều dưỡng 10D	Đặng Thanh	Vân	05.06.2004	6.8	7.5	8.0	7	7.3	Khá	
194	20Q30180203	Điều dưỡng 10E	Nguyễn Thị Tú	Anh	03/01/2002	6.8	7.0	7.0	6	6.9	Trung bình	
195	20Q30180532	Điều dưỡng 10E	Đỗ Thị Thu	Phượng	08/08/2002	6.8	7.0	7.5	7	7.1	Khá	
196	20Q30181025	Điều dưỡng 10E	Ngô Khải	Nguyễn	15/08/2002	6.8	6.5	7.0	2	6.8	Trung bình	
197	22Q30110501	Điều dưỡng 10E	Đoàn Thị Hồng	Anh	05.08.2004	7.0	7.0	8.5	7	7.5	Khá	
198	22Q30110504	Điều dưỡng 10E	Nguyễn Thị Lan	Anh	20.11.2004	6.5	6.5	7.0	5	6.7	Trung bình	
199	22Q30110505	Điều dưỡng 10E	Vũ Hồng	Anh	12.01.2004	6.6	6.5	6.0	2	6.4	Trung bình	
200	22Q30110507	Điều dưỡng 10E	Hoàng Thị Ngọc	Anh	04.10.2004	7.0	7.5	8.0	5	7.4	Khá	
201	22Q30110508	Điều dưỡng 10E	Nguyễn Hà	Châu	11.06.2004	6.9	7.5	6.0	5	6.7	Trung bình	
202	22Q30110509	Điều dưỡng 10E	Nguyễn Thị Kim	Chi	13.03.2004	6.9	5.5	6.5	6	6.5	Trung bình	
203	22Q30110511	Điều dưỡng 10E	Nguyễn Thị	Cúc	11.11.2004	7.2	7.0	7.0	6	7.1	Khá	
204	22Q30110513	Điều dưỡng 10E	Phạm Hải	Đặng	02.09.2004	6.6	7.0	6.0	9	6.5	Trung bình	
205	22Q30110514	Điều dưỡng 10E	Bùi Văn	Dung	28.10.2004	6.9	7.0	7.5	4	7.1	Khá	
206	22Q30110515	Điều dưỡng 10E	Thái Thị Thủy	Dung	09.02.2004	6.9	7.0	8.0	3	7.3	Khá	
207	22Q30110516	Điều dưỡng 10E	Nguyễn Đức	Dũng	16.07.2004	6.6	6.0	7.0	6	6.6	Trung bình	
208	22Q30110519	Điều dưỡng 10E	Vũ Đình	Duy	16.01.2004	6.9	6.5	7.0	5	6.9	Trung bình	
209	22Q30110520	Điều dưỡng 10E	Cao Thị Hồng	Duyên	03.09.2004	6.9	7.0	8.0	7	7.3	Khá	
210	22Q30110521	Điều dưỡng 10E	Đinh Việt	Hải	20.04.2004	6.7	7.0	7.5	4	7.0	Khá	
211	22Q30110522	Điều dưỡng 10E	Nguyễn Đức	Hải	15.07.2004	6.8	7.5	7.5	1	7.2	Khá	
212	22Q30110523	Điều dưỡng 10E	Vũ Minh	Hải	01.04.2004	6.8	7.5	6.5	3	6.8	Trung bình	
213	22Q30110524	Điều dưỡng 10E	Nguyễn Thị Thu	Hằng	05.10.2004	6.6	6.5	7.5	12	6.9	Trung bình	

Mã văn bản: 33877
Số văn bản: 33877
Ngày ban hành: 01/07/2025

STT	Mã Sinh viên	Lớp	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Điểm TBC toàn khóa (101 tín chỉ)	Điểm thi LTTHNN	Điểm thi THNN	Số MH/MD thi lại, học lại	Điểm dự kiến xếp loại tốt nghiệp	Dự kiến xếp loại tốt nghiệp	Ghi chú
214	22Q30110525	Điều dưỡng 10E	Nguyễn Thu	Hiền	01.09.2004	6.8	7.5	7.0	6	7.0	Khá	
215	22Q30110526	Điều dưỡng 10E	Nguyễn Thủy	Hiền	21.02.2004	6.8	7.0	7.0	8	6.9	Trung bình	
216	22Q30110528	Điều dưỡng 10E	Nguyễn Thị Thu	Hương	04.08.2004	7.2	8.0	7.5	3	7.4	Khá	
217	22Q30110529	Điều dưỡng 10E	Trần Việt	Huỳnh	24.10.2004	7.1	6.5	8.0	4	7.3	Khá	
218	22Q30110530	Điều dưỡng 10E	Hoàng Thị	Lan	15.05.2004	7.0	8.0	7.0	3	7.2	Khá	
219	22Q30110533	Điều dưỡng 10E	Nguyễn Trần Khánh	Linh	28.11.2004	6.9	6.0	7.5	4	7.0	Khá	
220	22Q30110534	Điều dưỡng 10E	Trần Thị Khánh	Linh	30.06.2004	6.7	7.5	7.5	8	7.1	Khá	
221	22Q30110535	Điều dưỡng 10E	Nguyễn Thị Ngọc	Mai	27.02.2004	6.8	7.0	7.5	6	7.1	Khá	
222	22Q30110536	Điều dưỡng 10E	Vũ Thị Hương	Mơ	04.09.2004	6.8	7.5	6.5	8	6.8	Trung bình	
223	22Q30110537	Điều dưỡng 10E	Ngô Thị Hà	My	18.01.2004	7.3	7.5	8.0	3	7.6	Khá	
224	22Q30110539	Điều dưỡng 10E	Vương Hải	Nam	01.08.2004	7.0	7.0	7.5	1	7.2	Khá	
225	22Q30110541	Điều dưỡng 10E	Trần Thị	Ngân	21.05.2004	7.0	8.0	7.5	5	7.3	Khá	
226	22Q30110542	Điều dưỡng 10E	Đoàn Minh	Ngọc	04.08.2004	6.9	6.5	6.5	7	6.7	Trung bình	
227	22Q30110545	Điều dưỡng 10E	Phạm Thị Thủy	Ninh	12.12.2004	7.1	8.0	7.5	3	7.4	Khá	
228	22Q30110547	Điều dưỡng 10E	Nguyễn Lê Anh	Phước	09.09.2004	7.0	7.0	8.0	5	7.3	Khá	
229	22Q30110549	Điều dưỡng 10E	Thái Thị	Phượng	27.01.2004	7.1	7.5	8.0	3	7.5	Khá	
230	22Q30110550	Điều dưỡng 10E	Hoàng Văn	Quân	05.07.2004	7.0	7.5	8.0	4	7.4	Khá	
231	22Q30110551	Điều dưỡng 10E	Bùi Minh	Tâm	08.09.2004	6.9	7.0	6.5	5	6.8	Trung bình	
232	22Q30110552	Điều dưỡng 10E	Phùng Minh	Tâm	27.11.2004	7.0	7.5	7.5	4	7.3	Khá	
233	22Q30110554	Điều dưỡng 10E	Đỗ Phương	Thảo	15.09.2004	6.7	7.5	7.5	10	7.1	Khá	
234	22Q30110556	Điều dưỡng 10E	Lương Thị Thu	Thảo	24.12.2004	6.8	7.0	7.5	10	7.1	Khá	
235	22Q30110557	Điều dưỡng 10E	Phạm Phương	Thảo	01.11.2004	6.8	6.5	7.0	8	6.8	Trung bình	
236	22Q30110558	Điều dưỡng 10E	Lê Thị Thanh	Thu	15.09.2004	6.6	6.0	7.0	6	6.6	Trung bình	
237	22Q30110560	Điều dưỡng 10E	Hoàng Văn	Thuận	05.07.2004	7.0	7.0	8.0	3	7.3	Khá	
238	22Q30110561	Điều dưỡng 10E	Trần Thị Mỹ	Thuận	24.11.2004	7.3	8.0	8.5	3	7.8	Khá	
239	22Q30110563	Điều dưỡng 10E	Vũ Thị Quỳnh	Trang	27.05.2004	6.9	7.5	7.0	6	7.0	Khá	
240	22Q30110564	Điều dưỡng 10E	Nguyễn Xuân	Trường	02.04.2004	7.0	7.0	6.5	7	6.8	Trung bình	
241	21q30191303	Điều dưỡng 10G	Nguyễn Quỳnh	Anh	02.11.2003	6.2	6.0	6.5	8	6.3	Trung bình	
242	21q30191324	Điều dưỡng 10G	Vũ Thị Thu	Oanh	18/7/2003	6.3	6.5	6.0	6	6.2	Trung bình	
243	22Q30110602	Điều dưỡng 10G	Đoàn Văn	Anh	29.02.2004	6.7	7.5	6.5	4	6.8	Trung bình	
244	22Q30110603	Điều dưỡng 10G	Hoàng Văn Tuấn	Anh	02.05.2004	6.8	7.0	7.5	2	7.1	Khá	
245	22Q30110604	Điều dưỡng 10G	Lại Thị Lan	Anh	28.06.2004	6.9	8.0	9.0	8	7.8	Khá	
246	22Q30110605	Điều dưỡng 10G	Nguyễn Minh	Anh	27.02.2004	6.8	5.5	5.0	6	6.0	Trung bình	
247	22Q30110606	Điều dưỡng 10G	Phạm Văn	Anh	01.12.2004	7.2	8.0	8.0	1	7.6	Khá	
248	22Q30110608	Điều dưỡng 10G	Đào Thị Minh	Anh	21.01.2004	7.2	7.5	8.0	1	7.5	Khá	
249	22Q30110611	Điều dưỡng 10G	Phạm Mai	Chi	14.06.2004	7.0	8.0	7.5	2	7.3	Khá	
250	22Q30110612	Điều dưỡng 10G	Phùng Văn	Chức	04.10.2004	6.9	7.0	7.0	4	7.0	Khá	
251	22Q30110613	Điều dưỡng 10G	Trần Thị	Dịu	26.09.2004	6.5	6.0	5.5	12	6.1	Trung bình	
252	22Q30110616	Điều dưỡng 10G	Nguyễn Hương	Giăng	20.10.2004	7.2	7.0	8.0	2	7.4	Khá	
253	22Q30110617	Điều dưỡng 10G	Đỗ Nam	Hải	09.07.2004	7.1	7.0	7.5	1	7.2	Khá	
254	22Q30110620	Điều dưỡng 10G	Vũ Thị	Hằng	25.06.2004	6.8	8.0	7.0	4	7.1	Khá	
255	22Q30110621	Điều dưỡng 10G	Trần Thu	Hào	15.09.2004	6.7	6.5	8.5	8	7.3	Khá	
256	22Q30110625	Điều dưỡng 10G	Nguyễn Thị	Hương	24.03.2004	7.6	6.0	7.5	4	7.3	Khá	
257	22Q30110626	Điều dưỡng 10G	Đỗ Thị	Hương	18.08.2004	6.6	7.5	7.0	11	6.9	Trung bình	
258	22Q30110627	Điều dưỡng 10G	Ngô Thị Thu	Hương	20.03.2004	7.1	7.0	6.5	0	6.9	Trung bình	
259	22Q30110628	Điều dưỡng 10G	Phạm Hoàng Gia	Khiêm	25.03.2004	7.0	7.5	8.5	1	7.6	Khá	
260	22Q30110629	Điều dưỡng 10G	Nguyễn Ngọc	Khuê	06.11.2004	7.0	6.0	7.5	6	7.0	Khá	
261	22Q30110634	Điều dưỡng 10G	Hoàng Mai	Linh	04.09.2003	7.3	7.5	8.0	2	7.6	Khá	
262	22Q30110635	Điều dưỡng 10G	Nguyễn Thủy	Linh	13.01.2004	7.5	8.0	8.5	1	7.9	Khá	
263	22Q30110637	Điều dưỡng 10G	Phạm Phương	Linh	27.01.2004	6.6	7.0	6.0	7	6.5	Trung bình	
264	22Q30110638	Điều dưỡng 10G	Trần Khánh	Linh	26.04.2004	6.9	7.5	7.0	4	7.0	Khá	
265	22Q30110642	Điều dưỡng 10G	Nguyễn Thị	Nga	28.09.2003	6.9	6.5	6.0	3	6.5	Trung bình	
266	22Q30110643	Điều dưỡng 10G	Phạm Thị Thủy	Nga	16.07.2004	6.7	7.5	7.5	6	7.1	Khá	
267	22Q30110645	Điều dưỡng 10G	Vũ Thu	Ngân	03.09.2004	7.1	8.0	7.0	2	7.2	Khá	
268	22Q30110646	Điều dưỡng 10G	Lê Yến	Nhĩ	06.11.2004	7.8	8.5	9.5	1	8.5	Giỏi	
269	22Q30110647	Điều dưỡng 10G	Lê Ngọc	Oanh	30.07.2004	7.0	7.0	7.0	8	7.0	Khá	
270	22Q30110648	Điều dưỡng 10G	Nguyễn Thị Thảo	Quỳnh	23.01.2003	6.6	7.0	8.0	9	7.1	Khá	
271	22Q30110649	Điều dưỡng 10G	Phan Thị	Sương	22.02.2004	7.1	8.0	6.5	0	7.1	Khá	
272	22Q30110650	Điều dưỡng 10G	Hà Thị Băng	Tâm	24.07.2003	7.4	8.5	8.5	0	8.0	Giỏi	
273	22Q30110651	Điều dưỡng 10G	Vũ Thị Ngọc	Tâm	26.02.2004	7.3	7.0	9.0	4	7.8	Khá	
274	22Q30110652	Điều dưỡng 10G	Lê Phương	Thảo	08.10.2004	6.9	7.0	8.5	5	7.5	Khá	
275	22Q30110654	Điều dưỡng 10G	Tạ Thị Thanh	Thảo	09.09.2004	7.0	7.0	7.5	9	7.2	Khá	
276	22Q30110658	Điều dưỡng 10G	Đoàn Hương	Trà	01.09.2004	6.5	7.0	5.5	6	6.3	Trung bình	
277	22Q30110659	Điều dưỡng 10G	Bùi Thị Huyền	Trang	18.06.2004	6.9	6.5	7.5	6	7.0	Khá	
278	22Q30110660	Điều dưỡng 10G	Đào Thị Huyền	Trang	21.10.2004	7.1	8.0	7.0	4	7.2	Khá	
279	22Q30110661	Điều dưỡng 10G	Khả Thủy	Trang	27.03.2003	6.7	6.5	6.0	12	6.4	Trung bình	
280	22Q30110663	Điều dưỡng 10G	Phùng Thị Huyền	Trang	09.09.2004	7.1	7.5	7.5	2	7.3	Khá	
281	22Q30110664	Điều dưỡng 10G	Lò Phương	Trình	17.08.2001	6.7	6.5	6.0	9	6.4	Trung bình	
282	20Q30180101	Điều dưỡng 10H	Nguyễn Thị Trung	Anh	07.09.2002	6.8	5.5	8.0	7	7.0	Khá	
283	22Q30110701	Điều dưỡng 10H	Dương Gia	Anh	10.01.2004	6.9	8.0	8.0	4	7.5	Khá	
284	22Q30110702	Điều dưỡng 10H	Ngô Hoàng	Anh	13.09.2004	6.2	5.5	7.0	7	6.4	Trung bình	
285	22Q30110705	Điều dưỡng 10H	Phạm Huệ	Anh	20.09.2004	6.6	6.5	6.5	11	6.6	Trung bình	
286	22Q30110706	Điều dưỡng 10H	Phạm Phương	Anh	10.12.2004	6.9	7.0	6.0	1	6.6	Trung bình	
287	22Q30110707	Điều dưỡng 10H	Trần Tú	Anh	24.06.2004	6.9	6.5	6.5	1	6.7	Trung bình	

Mã văn bản: 33877
Số văn bản: 33877
Ngày ban hành: 01/07/2025

STT	Mã Sinh viên	Lớp	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Điểm TBC toàn khóa (101 tín chỉ)	Điểm thi LTTHNN	Điểm thi THNN	Số MH/MD thi lại, học lại	Điểm dự kiến xếp loại tốt nghiệp	Dự kiến xếp loại tốt nghiệp	Ghi chú
288	22Q30110709	Điều dưỡng 10H	Vũ Thị Minh	Anh	14.02.2004	7.0	7.5	6.5	3	6.9	Trung bình	
289	22Q30110710	Điều dưỡng 10H	Nguyễn Thị	Ánh	25.05.2004	6.7	6.5	7.0	6	6.8	Trung bình	
290	22Q30110713	Điều dưỡng 10H	Trần Thị Vân	Dung	02.04.2004	7.1	8.0	8.0	3	7.6	Khá	
291	22Q30110714	Điều dưỡng 10H	Trần Thủy	Dung	31.05.2004	6.6	5.5	7.5	11	6.7	Trung bình	
292	22Q30110715	Điều dưỡng 10H	Phạm Thị Mỹ	Duyên	26.05.2004	6.7	7.0	7.5	5	7.0	Khá	
293	22Q30110716	Điều dưỡng 10H	Lê Thị	Giang	19.01.2004	6.5	5.0	7.5	10	6.6	Trung bình	
294	22Q30110717	Điều dưỡng 10H	Trần Thị Thu	Hà	29.07.2004	6.6	5.5	6.5	11	6.4	Trung bình	
295	22Q30110719	Điều dưỡng 10H	Đinh Thị	Huê	30.07.2004	6.6	5.5	6.5	13	6.4	Trung bình	
296	22Q30110721	Điều dưỡng 10H	Phạm Thị Thu	Hương	05.10.2004	6.7	7.5	7.0	6	6.9	Trung bình	
297	22Q30110722	Điều dưỡng 10H	Văn Huy	Hương	16.01.2004	7.1	7.5	7.0	3	7.1	Khá	
298	22Q30110724	Điều dưỡng 10H	Bùi Thị Thanh	Huyền	05.08.2004	6.8	6.0	6.0	5	6.4	Trung bình	
299	22Q30110725	Điều dưỡng 10H	Chu Thị	Huyền	01.05.2004	6.7	7.0	6.5	6	6.7	Trung bình	
300	22Q30110726	Điều dưỡng 10H	Đinh Khánh	Huyền	25.04.2004	7.0	6.5	7.0	6	6.9	Trung bình	
301	22Q30110727	Điều dưỡng 10H	Hoàng Thanh	Huyền	18.02.2004	6.6	6.5	5.5	4	6.2	Trung bình	
302	22Q30110728	Điều dưỡng 10H	Nguyễn Thủy	Huyền	26.09.2004	7.0	7.5	6.5	7	6.9	Trung bình	
303	22Q30110730	Điều dưỡng 10H	Hoàng Khánh	Linh	25.12.2004	7.1	7.5	8.0	1	7.5	Khá	
304	22Q30110731	Điều dưỡng 10H	Nguyễn Khánh	Linh	27.11.2004	6.8	7.5	7.5	4	7.2	Khá	
305	22Q30110732	Điều dưỡng 10H	Phan Thị Cẩm	Linh	17.06.2004	6.9	6.5	5.5	7	6.4	Trung bình	
306	22Q30110733	Điều dưỡng 10H	Phùng Thị	Loan	11.11.2004	6.6	7.5	7.5	13	7.1	Khá	
307	22Q30110735	Điều dưỡng 10H	Đỗ Hoàng	Minh	05.08.2004	6.8	6.5	7.0	5	6.8	Trung bình	
308	22Q30110737	Điều dưỡng 10H	Phạm Trà	My	16.12.2004	6.7	7.5	7.0	7	6.9	Trung bình	
309	22Q30110738	Điều dưỡng 10H	Trần Thị	Nga	25.01.2004	6.9	7.5	8.0	8	7.4	Khá	
310	22Q30110739	Điều dưỡng 10H	Trần Thị Thúy	Nga	06.03.2004	7.1	7.5	8.0	2	7.5	Khá	
311	22Q30110741	Điều dưỡng 10H	Nguyễn Thu	Ngân	08.10.2004	6.6	7.5	4.5	6			Điểm thi THNN <5.0
312	22Q30110742	Điều dưỡng 10H	Phạm Thị Hồng	Ngát	30.05.2004	7.1	7.5	7.5	1	7.3	Khá	
313	22Q30110743	Điều dưỡng 10H	Phạm Thị Hồng	Ngát	21.07.2004	6.6	7.5	6.0	9	6.6	Trung bình	
314	22Q30110745	Điều dưỡng 10H	Đinh Thị Quỳnh	Như	02.04.2004	6.8	7.0	7.0	8	6.9	Trung bình	
315	22Q30110746	Điều dưỡng 10H	Hoàng Thị Bích	Nhung	22.09.2004	6.8	6.5	6.0	9	6.5	Trung bình	
316	22Q30110747	Điều dưỡng 10H	Trần Văn	Phi	12.09.2004	6.5	6.0	6.0	13	6.3	Trung bình	
317	22Q30110749	Điều dưỡng 10H	Nguyễn Thị Bích	Phượng	23.02.2004	6.5	6.0	5.0	10	5.9	Trung bình	
318	22Q30110752	Điều dưỡng 10H	Dương Hoàng Phương	Thảo	21.08.2004	6.6	7.0	7.0	12	6.8	Trung bình	
319	22Q30110753	Điều dưỡng 10H	Mai Thanh	Thảo	23.06.2004	7.2	7.5	8.0	2	7.5	Khá	
320	22Q30110755	Điều dưỡng 10H	Vũ Phương	Thảo	24.08.2004	6.7	6.0	6.5	11	6.5	Trung bình	
321	22Q30110759	Điều dưỡng 10H	Nguyễn Thị	Tiến	15.07.2004	6.9	6.0	8.0	8	7.1	Khá	
322	22Q30110760	Điều dưỡng 10H	Nguyễn Ánh	Tuyết	25.10.2004	6.8	7.0	7.5	7	7.1	Khá	
323	22Q30110761	Điều dưỡng 10H	Ngô Thị	Vân	06.11.2004	7.0	7.0	7.0	4	7.0	Khá	
324	22Q30110763	Điều dưỡng 10H	Đỗ Thị Thúy	Dương	27.02.2004	7.0	7.5	7.5	4	7.3	Khá	
325	22Q30110764	Điều dưỡng 10H	Nguyễn Thị	Mai	19.03.2000	7.4	7.5	8.0	3	7.6	Khá	

II. Ngành Kỹ thuật Hình ảnh Y học

1	22Q60190101	HAYHK9	Phạm Hoàng	Anh	11.09.2004	7.1	6.0	8.5	11	7.4	Khá	
2	22Q60190107	HAYHK9	Nguyễn Huy	Dương	26.10.2004	6.8	7.5	9.0	8	7.7	Khá	
3	22Q60190108	HAYHK9	Nguyễn Tùng	Dương	24.08.2004	7.5	8.0	9.0	1	8.1	Giỏi	
4	22Q60190109	HAYHK9	Nguyễn Thu	Hà	20.12.2004	6.4	4.0	7.5	8			Điểm thi LT THNN < 5.0
5	22Q60190110	HAYHK9	Nguyễn Thị	Hằng	15.12.2004	6.9	6.0	8.5	6	7.3	Khá	
6	22Q60190112	HAYHK9	Nguyễn Trung	Hiếu	26.08.2004	6.8	5.5	9.0	11	7.3	Khá	
7	22Q60190116	HAYHK9	Lê Mạnh	Hùng	22.11.2004	7.5	8.0	9.5	5	8.3	Khá	Hà 1 bậc do có 05 môn học/mô đun thi lại và khối lượng học lại quá 10% thời lượng chương trình
8	22Q60190118	HAYHK9	Đào Văn	Huy	22.07.2002	7.8	8.5	9.0	0	8.3	Giỏi	
9	22Q60190119	HAYHK9	Nguyễn Minh	Lâm	16.08.2003	6.6	8.0	8.0	9	7.3	Khá	
10	22Q60190120	HAYHK9	Nguyễn Thị Mỹ	Linh	22.07.2003	7.4	7.5	8.5	0	7.8	Khá	
11	22Q60190121	HAYHK9	Nguyễn Thành	Luân	02.03.2004	7.2	8.0	9.5	6	8.1	Khá	Hà 1 bậc do có 06 môn học/mô đun thi lại và khối lượng học lại quá 10% thời lượng chương trình
12	22Q60190122	HAYHK9	Nguyễn Thị Minh	Lý	22.07.2004	6.7	5.5	6.5	8	6.4	Trung bình	
13	22Q60190124	HAYHK9	Lê Tiến	Nam	15.10.2004	6.9	6.0	9.0	5	7.5	Khá	
14	22Q60190127	HAYHK9	Nguyễn Văn	Phong	02.11.2004	6.7	8.0	7.5	9	7.2	Khá	
15	22Q60190130	HAYHK9	Nguyễn Hữu	Quảng	01.03.2004	7.2	8.5	8.5	4	7.9	Khá	
16	22Q60190131	HAYHK9	Nguyễn Ngọc	Quỳnh	08.12.2004	7.5	8.0	8.5	3	7.9	Khá	
17	22Q60190132	HAYHK9	Vũ Xuân	Son	02.05.2002	6.8	7.0	8.5	8	7.4	Khá	
18	22Q60190133	HAYHK9	Lê Sơn	Tây	06.08.2004	6.9	6.0	8.0	5	7.1	Khá	
19	22Q60190134	HAYHK9	Trần Thị	Thu	26.09.2001	7	6.0	9.0	7	7.5	Khá	
20	22Q60190136	HAYHK9	Nguyễn Thị	Trang	22.06.2003	6.8	4.5	9.5	15			Điểm thi LT THNN < 5.0
21	22Q60190137	HAYHK9	Nguyễn Nam	Trường	29.11.2004	6.6	4.0	7.5	13			Điểm thi LT THNN < 5.0
22	22Q60190138	HAYHK9	Tạ Quý	Vương	11.02.2004	6.8	6.5	8.0	5	7.2	Khá	

Mã văn bản: 33877
Số văn bản: 33877
Ngày ban hành: 01/07/2025

Page 6 of 6

STT	Mã Sinh viên	Lớp	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Điểm TBC toàn khóa (101 tín chỉ)	Điểm thi LTTHNN	Điểm thi THNN	Số MH/MD thi lại, học lại	Điểm dự kiến xếp loại tốt nghiệp	Dự kiến xếp loại tốt nghiệp	Ghi chú
23	22Q60190139	HAYHK9	Trần Thị	Yến	28.02.2004	6.8	6.0	6.5	11	6.6	Trung bình	
III. Ngành Kỹ thuật Xét nghiệm Y học												
1	22Q60290101	XNYHK9	Nguyễn Hoàng	Anh	26.09.2002	6.9	7.0	7.0	7	7.0	Khá	
2	22Q60290102	XNYHK9	Nguyễn Văn	Anh	11.04.2004	6.6	6.5	8.5	11	7.2	Khá	
3	22Q60290104	XNYHK9	Tạ Xuân	Bách	12.06.2003	6.6	6.0	8.5	10	7.1	Khá	
4	22Q30110110	XNYHK9	Nguyễn Thanh	Bình	20.02.2004	7.1	7.0	7.0	6	7.1	Khá	
5	22Q60290105	XNYHK9	Trần Đức	Bình	13.06.2004	6.8	6.0	5.0	4	6.1	Trung bình	
6	22Q60290108	XNYHK9	Nguyễn Văn	Đức	16.01.2000	6.5	5.5	5.5	17	6.0	Trung bình	
7	22Q60290109	XNYHK9	Lê Tiến	Dũng	26.02.2004	6.6	4.5	9.0	10			Điểm thi LT THNN < 5.0
8	22Q60290112	XNYHK9	Phạm Thị Thu	Hiền	14.04.2004	6.9	5.5	7.0	3	6.7	Trung bình	
9	22Q60290113	XNYHK9	Nguyễn Công Sơn	Hiếu	28.01.2004	6.3	5.0	7.0	11	6.3	Trung bình	
10	22Q60290114	XNYHK9	Nguyễn Thị Thu	Hường	30.05.2004	6.9	5.0	8.0	8	7.0	Khá	
11	21Q60280130	XNYHK9	Hoàng Quốc	Khánh	30/12/2003	6.2	4.5	8.0	10			Điểm thi LT THNN < 5.0
12	22Q60290115	XNYHK9	Nguyễn Việt	Lâm	16.12.2004	7.6	7.5	8.0	1	7.7	Khá	
13	22Q60290116	XNYHK9	Hồ Mai	Lan	23.03.2004	6.6	5.0	8.0	8	6.8	Trung bình	
14	22Q60290117	XNYHK9	Dặng Bùi Phương	Linh	14.04.2004	7.0	5.5	7.0	3	6.8	Trung bình	
15	22Q60290118	XNYHK9	Phạm Tú	Linh	10.02.2004	6.8	6.0	6.5	5	6.6	Trung bình	
16	22Q60290120	XNYHK9	Dặng Văn	Lực	25.02.2004	6.8	5.5	8.5	7	7.2	Khá	
17	22Q60290121	XNYHK9	Cao Thị	Lý	03.04.2004	6.9	6.0	9.0	8	7.5	Khá	
18	22Q60290122	XNYHK9	Trần Anh	Minh	05.04.2004	7.6	7.5	9.0	1	8.1	Giỏi	
19	22Q60290123	XNYHK9	Dương Thanh	Mỹ	07.11.2004	6.9	4.5	7.0	9			Điểm thi LT THNN < 5.0
20	22Q60290124	XNYHK9	Phạm Thu	Ngân	16.12.2004	6.9	5.5	8.0	10	7.0	Khá	
21	22Q60290125	XNYHK9	Dinh Lương Nguyễn	Ngọc	25.01.2004	7.3	6.5	7.5	8	7.2	Khá	
22	22Q60290127	XNYHK9	Vũ Hạnh	Nguyễn	13.05.2004	7.2	5.0	7.5	4	6.9	Trung bình	
23	22Q30110142	XNYHK9	Hoàng Thị Kim	Oanh	23.10.2004	7.0	4.0	8.0	5			Điểm thi LT THNN < 5.0
24	21Q60280146	XNYHK9	Nguyễn Mai	Phương	19/01/2003	6.9	6.5	7.5	4	7.0	Khá	
25	22Q60290129	XNYHK9	Nguyễn Hoài	Phương	05.05.2004	6.8	5.5	7.0	8	6.7	Trung bình	
26	22Q60290130	XNYHK9	Trần Thị Thu	Phương	02.04.2004	6.7	5.5	8.5	8	7.1	Khá	
27	22Q60290131	XNYHK9	Nguyễn Ngọc	Son	07.04.2002	6.5	5.5	7.0	13	6.5	Trung bình	
28	22Q60290132	XNYHK9	Nguyễn Thị	Thanh	11.01.2004	7.2	6.5	8.0	6	7.4	Khá	
29	22Q60290133	XNYHK9	Vũ Thị Minh	Thanh	27.01.2004	6.9	5.5	7.0	8	6.7	Trung bình	
30	22Q60290134	XNYHK9	Nguyễn Phương	Thảo	27.06.2004	7.4	6.0	9.5	3	7.9	Khá	
31	22Q60290135	XNYHK9	Đỗ Minh	Thu	23.09.2004	7.6	7.5	8.5	1	7.9	Khá	
32	22Q60290136	XNYHK9	Phạm Anh	Thư	15.10.2004	7.0	6.5	6.5	5	6.8	Trung bình	
33	22Q60290137	XNYHK9	Dương Thu	Thùy	03.02.2004	7.0	5.5	6.5	6	6.6	Trung bình	
34	21Q60280156	XNYHK9	Nguyễn Thị Thiên	Trang	24/06/2003	7.0	5.5	7.0	0	6.8	Trung bình	
35	22Q60290139	XNYHK9	Nguyễn Thị	Vân	19.06.2004	6.8	7.0	7.0	10	6.9	Trung bình	
IV. Ngành Kỹ thuật VLTL - PHCN												
1	21Q60481631	PHCN K9	Nguyễn Minh	Ngọc	05/11/2003	6.3	7.0	8.0	15	7.0	Khá	
2	22Q60490101	PHCN K9	Đặng Lan	Anh	04.09.2004	6.8	7.0	8.5	9	7.4	Khá	
3	22Q60490102	PHCN K9	Dinh Thị Phương	Anh	09.09.2004	6.7	7.0	7.5	8	7.0	Khá	
4	22Q60490103	PHCN K9	Nguyễn Hoàng	Anh	23.02.2004	6.4	7.0	7.0	8	6.7	Trung bình	
5	22Q60490104	PHCN K9	Nguyễn Tiến	Anh	03.12.2004	6.3	5.5	8.0	17	6.7	Trung bình	
6	22Q60490105	PHCN K9	Phạm Thảo	Anh	07.05.2004	6.5	6.0	6.5	16	6.4	Trung bình	
7	22Q60490106	PHCN K9	Nguyễn Thủy	Chang	21.03.2004	6.7	7.0	7.0	6	6.9	Trung bình	
8	22Q60490107	PHCN K9	Nguyễn Linh	Chi	22.09.2004	6.6	6.5	6.5	18	6.6	Trung bình	
9	22Q60490108	PHCN K9	Đặng Đình	Chiến	29.08.2004	6.7	7.5	6.5	11	6.8	Trung bình	
10	22Q60490110	PHCN K9	Nguyễn Cao	Dạt	01.03.2004	6.6	7.0	7.0	7	6.8	Trung bình	
11	22Q60490111	PHCN K9	Phạm Quốc	Dạt	12.01.2004	6.3	6.5	7.0	11	6.6	Trung bình	
12	22Q60490112	PHCN K9	Nguyễn Thị Kim	Dũng	29.12.2003	6.5	6.5	6.5	12	6.5	Trung bình	
13	22Q60490113	PHCN K9	Đỗ Hoàng	Duy	12.09.2004	6.1	6.5	7.0	13	6.5	Trung bình	
14	22Q60490115	PHCN K9	Tô Thị	Hằng	23.12.2003	6.8	7.0	7.0	11	6.9	Trung bình	
15	22Q60490117	PHCN K9	Vì Văn	Hoan	12.03.2004	6.3	7.0	7.0	12	6.7	Trung bình	
16	22Q60490119	PHCN K9	Ngô Nguyễn Đăng	Huy	06.06.2004	6.5	7.5	6.0	16	6.5	Trung bình	
17	22Q60490120	PHCN K9	Tô Tiên	Huy	05.07.2003	6.6	6.5	8.0	9	7.1	Khá	
18	22Q60490121	PHCN K9	Bùi Đức	Khải	18.11.2004	6.4	5.0	6.5	14	6.2	Trung bình	
19	22Q60490125	PHCN K9	Đặng Mai	Linh	21.04.2004	6.5	6.0	7.0	9	6.6	Trung bình	
20	22Q60490126	PHCN K9	Đỗ Ngọc	Linh	28.06.2004	6.9	7.5	8.5	8	7.5	Khá	
21	22Q60490127	PHCN K9	Trương Khánh	Linh	28.11.2004	7.3	8.5	8.0	1	7.7	Khá	
22	22Q60490128	PHCN K9	Trương Hải	Lòng	23.02.2004	6.9	7.5	7.0	6	7.0	Khá	
23	22Q60490133	PHCN K9	Nguyễn	Nguyễn	19.11.2004	6.7	8.0	7.5	14	7.2	Khá	
24	22Q60490135	PHCN K9	Nguyễn Thu	Phương	10.09.2004	6.6	6.0	8.5	14	7.1	Khá	
25	22Q60490136	PHCN K9	Nguyễn Phương	Quỳnh	30.06.2004	6.7	6.5	7.5	13	6.9	Trung bình	
26	22Q60490140	PHCN K9	Lê Xuân	Thu	01.01.2004	6.5	6.5	6.5	8	6.5	Trung bình	
27	22Q60490141	PHCN K9	Nguyễn Phạm Huyền	Trang	14.01.2004	6.8	7.5	7.5	7	7.2	Khá	
28	22Q60490142	PHCN K9	Nguyễn Thị Huyền	Trang	12.11.2004	7.3	7.5	7.0	2	7.2	Khá	
29	22Q60490143	PHCN K9	Lê Văn	Tuân	17.09.2004	6.7	7.0	6.5	6	6.7	Trung bình	
30	22Q60490144	PHCN K9	Phạm Thu	Uyên	08.09.2004	6.4	6.0	6.5	19	6.4	Trung bình	

Lưu ý:

- Đề nghị Sinh viên kiểm tra thông tin cá nhân, điểm thi tốt nghiệp kỳ thi tháng 6, năm 2025 và dự kiến xếp loại tốt nghiệp và phản hồi với Phòng Đào tạo trước 12h00 ngày 03/07/2025 (nếu có).
- Sau thời gian trên, nếu sinh viên không có ý kiến coi như đồng ý với kết quả trên.

LÃNH ĐẠO PHÒNG ĐÀO TẠO

ThS. Nguyễn Văn Đạt



Tài liệu nội bộ. Nghiêm cấm phát tán và sử dụng trái phép dưới mọi hình thức